

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ XANH VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

PGS, TS LÊ THỊ THANH HÀ*, TS NGUYỄN THÀNH VĂN**

Ngày nhận bài: 2/2/2026; Ngày phản biện: 3/2/2026; Ngày duyệt đăng: 10/2/2026.

Phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng không chỉ hướng tới tăng trưởng kinh tế, mà còn là sự kết hợp hài hòa giữa kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng và đối ngoại, nhằm đưa Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong thế kỷ XXI. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, cần triển khai hệ thống giải pháp đồng bộ; trong đó, một trong những giải pháp quan trọng được Đại hội XIV của Đảng xác định là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của tăng trưởng kinh tế xanh đối với mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng; phân tích những thách thức đặt ra đối với tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay; từ đó, đề xuất các định hướng giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

Từ khóa: Kinh tế xanh; Tăng trưởng kinh tế xanh; Phát triển bền vững; Đại hội XIV của Đảng.

1. Vai trò của tăng trưởng kinh tế xanh trong mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về kinh tế xanh. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), kinh tế xanh là “nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được coi là một nền kinh tế có lượng phát thải carbon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội” (Trương Thị Quỳnh Văn, 2025). Có thể hiểu, kinh tế xanh là mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, giảm

phát thải carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái. Đây là hướng đi bền vững mà Việt Nam đang thúc đẩy để vừa tăng trưởng kinh tế vừa bảo tồn hệ sinh thái, không gây tổn hại đến thế hệ mai sau. Vì vậy, tăng trưởng kinh tế xanh không thay thế phát triển bền vững mà là mô hình kinh tế nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững.

Theo UNEP, kinh tế xanh không chỉ thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn mà còn góp phần củng cố sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, qua đó giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Về lâu dài, kinh tế xanh được đánh giá có tốc độ tăng trưởng vượt trội so với mô hình kinh tế nâu, do làm giảm chi phí ngoại lai và tổn thất môi

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai

trường, đồng thời gia tăng phúc lợi cho con người (Trần Đức Thắng, 2025). Phát triển kinh tế xanh là một lộ trình dài hạn, gắn liền với tiến trình đổi mới và hợp tác toàn cầu, trong đó: *Về xã hội*: Đổi mới nhận thức, giáo dục, kỹ năng và tạo thêm nhiều việc làm xanh. *Về môi trường*: Đổi mới cách tiếp cận vòng đời sản phẩm, nâng cao hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy tái chế và tái sử dụng. *Về kinh tế*: Phát triển thị trường, chuỗi giá trị, công cụ tài chính - đầu tư xanh; hoàn thiện chính sách khuyến khích sản xuất và tiêu dùng bền vững. *Về quản trị*: Đổi mới phương thức hoạch định chính sách, nâng cao năng lực quản trị và tăng cường hợp tác quốc tế, qua đó tạo động lực xuyên suốt cho phát triển bền vững (Trần Đức Thắng, 2025).

Trong kỷ nguyên mới, mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam tập trung vào sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân và đảm bảo an ninh quốc gia. Mục tiêu này được khẳng định trong Báo cáo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội XIV của Đảng: “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc” (Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026). Thay mặt Đảng và Chính phủ Việt Nam, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Con đường phát triển bền vững trong thế kỷ XXI không thể chỉ dựa vào khai thác tài nguyên vật chất, lao động giá rẻ hay lợi thế truyền thống, mà phải dựa vào tri thức, công nghệ, sáng tạo và quản trị thông minh. Việt Nam ý thức rất rõ trách nhiệm của mình trước thách thức biến đổi khí hậu, nước biển dâng, suy thoái đa dạng sinh học, cạn kiệt tài nguyên” (VnEconomy, 2025). Vì vậy, cần “chuyển đổi mô hình phát triển và xác lập mô hình tăng trưởng mới; trước hết là chuyển đổi mạnh mẽ về tư duy: Từ phát triển theo chiều rộng sang chiều

sâu; từ dựa vào tài nguyên và lao động giản đơn sang dựa vào tri thức, công nghệ và năng suất; từ quản lý sang kiến tạo phát triển; từ Nhà nước “làm thay” sang “tạo điều kiện để xã hội và doanh nghiệp sáng tạo”” (Vũ Tuấn, 2026). Mô hình kinh tế hữu hiệu nhất của Việt Nam trong kỷ nguyên mới hướng tới “tăng trưởng xanh và phát triển bền vững là lựa chọn chiến lược, không thể đảo ngược” (VnEconomy, 2025). Đồng thời, cần đẩy mạnh “phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế số, gắn với khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số” (VnEconomy, 2025) nhằm xây dựng Việt Nam trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Theo đó, phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới không chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh tế và môi trường mà cần gắn với “phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm” (Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026). Đây là điểm mới trong tư duy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và giải quyết các vấn đề xã hội. Có thể thấy, Đại hội XIV của Đảng đã nâng tầm tư duy phát triển: Kinh tế - xã hội - môi trường là ba trụ cột chiến lược, trong đó môi trường là nền tảng kiến tạo. Đây là bước ngoặt chiến lược, mở đường cho Việt Nam tiến tới mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Một số thành tựu và thách thức đối với tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay

Nhận thức được tầm quan trọng của tăng trưởng kinh tế xanh và xu hướng thay đổi mô hình phát triển kinh tế của thế giới, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã quan tâm tới tăng trưởng kinh tế xanh từ rất sớm. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế

xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cacbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, 275). Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “... trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường” (Trang thông tin điện tử Văn phòng Chủ tịch nước, 2026). Theo đó, tăng trưởng kinh tế xanh không chỉ là lựa chọn mà còn là yêu cầu tất yếu để Việt Nam phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng và bảo vệ tương lai cho các thế hệ mai sau.

Ở Việt Nam, lần đầu tiên khái niệm kinh tế xanh gắn với tăng trưởng xanh được đưa ra vào năm 2012 trong Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Theo đó: “Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu” (Thủ tướng Chính phủ, 2012). Đồng thời, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã đặt mục tiêu chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ dựa vào tài nguyên sang nền kinh tế hiệu quả, ít carbon và thân thiện với môi trường.

Tiếp đó, ngày 20/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó đề ra 4 chủ đề chính gồm: 1) Xây dựng thể chế và kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương; 2) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; 3) Thực hiện xanh hóa sản xuất; 4) Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững (Thủ tướng Chính phủ, 2014). Cùng với đó, Quốc hội đã ban hành, sửa đổi, bổ sung một số luật liên quan đến tăng trưởng xanh như: Luật Sử dụng năng lượng

tiết kiệm và hiệu quả; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Khí tượng thủy văn ... nhằm thúc đẩy thực hiện các hoạt động liên quan đến tăng trưởng kinh tế xanh.

Trong những năm qua, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động, văn bản chỉ đạo điều hành về tăng trưởng kinh tế xanh, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, như: Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 ... Trong đó, Quyết định số 1658/QĐ-TTg đưa ra 4 mục tiêu cụ thể: 1) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); 2) Xanh hóa các ngành kinh tế; 3) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; 4) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Qua đó, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong chiến lược phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở chủ trương và chiến lược tăng trưởng kinh tế xanh của Đảng và Nhà nước, các bộ, ngành đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và tích cực lồng ghép yếu tố xanh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, trong những năm gần đây, Việt Nam đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng trong tăng trưởng kinh tế xanh.

Điển hình là phát triển năng lượng tái tạo và chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng sạch nhằm phục vụ phát triển bền vững và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Mục tiêu này được thúc đẩy mạnh mẽ sau khi Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” - Net Zero vào năm 2050 tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) (Phan Anh, 2024). Cùng với đó, thị trường tài chính xanh đang từng bước hình thành và mở rộng. Các chương trình tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính bền vững được triển khai rộng rãi trong hệ thống ngân hàng thương mại, góp phần huy động vốn cho dự án năng lượng tái tạo, nông nghiệp sạch và các dự án thân thiện với môi trường. Qua đó, tạo cơ sở để dòng vốn tín dụng xanh tăng trưởng đều, tập trung vào các lĩnh vực như năng lượng tái tạo và nông nghiệp xanh (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, 2025).

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam đã mở rộng mô hình nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn, hướng tới giảm phát thải và tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm. Đặc biệt, ngày 29/9/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT phê duyệt Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, hiện thực hóa cam kết về phát thải ròng. Theo đó, mục tiêu chung của Đề án là: “Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi hệ thống sản xuất trồng trọt theo hướng phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân và phát triển bền vững. Qua đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành hàng trồng trọt, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, từng bước hình thành nền nông nghiệp sinh thái,

hiện đại, có khả năng chống chịu tốt trước tác động của biến đổi khí hậu” (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025). Trên thực tế, việc triển khai các mô hình thí điểm phát triển tín chỉ carbon, đủ điều kiện tham gia thị trường quốc tế đã đặt mục tiêu đưa lĩnh vực trồng trọt vào quỹ đạo phát thải thấp, vừa bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, vừa nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế (Tùng Dương, 2025). Điều này giúp nông sản xanh Việt Nam tiếp cận sâu hơn với các thị trường có yêu cầu cao về tiêu chuẩn môi trường như Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong xuất khẩu nông sản.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế xanh theo hướng bền vững ở Việt Nam còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể:

Một là, khung pháp lý và chính sách về tăng trưởng kinh tế xanh tại Việt Nam còn nhiều khoảng trống, chưa đồng bộ và thiếu tính liên kết giữa các quy định. Mặc dù Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã được xác định, nhưng việc thể chế hóa các chính sách cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính xanh và chuyển đổi mô hình sản xuất còn chậm. Chính sách khuyến khích tăng trưởng kinh tế xanh chưa đồng bộ, nhiều quy định còn chồng chéo, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả. Hiện nay, việc đo lường phát thải và hiệu quả sử dụng tài nguyên ở Việt Nam chưa được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế. Việc các bộ, ngành áp dụng phương pháp đo lường khác nhau dẫn đến tình trạng dữ liệu thiếu thống nhất, gây khó khăn cho công tác tổng hợp, đánh giá và xây dựng chính sách. Bên cạnh đó, cơ chế giám sát và kiểm tra việc thực hiện các cam kết xanh của doanh nghiệp còn thiếu minh bạch, chưa đủ sức bảo đảm tính tuân thủ. Sự phối hợp liên ngành giữa các bộ, ngành trong quá trình triển khai chính sách tăng

trường xanh chưa chặt chẽ, làm giảm hiệu quả thực thi chính sách trên thực tế.

Hai là, công nghệ và hạ tầng phát triển kinh tế xanh còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Báo cáo của Bộ Công thương cho thấy, phần lớn doanh nghiệp công nghiệp ở Việt Nam vẫn đang sử dụng công nghệ tụt hậu so với mức trung bình của thế giới. Trong đó, có đến 76% thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ nhập từ nước ngoài đã cũ, 75% số thiết bị đã hết khấu hao, 50% thiết bị được tân trang lại. Tỷ lệ đầu tư đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam là dưới 0,5% doanh thu (trong khi Ấn Độ là 5%, Hàn Quốc là 10%). Tỷ lệ đổi mới máy móc, thiết bị hàng năm chỉ đạt khoảng 10% trong 5 năm qua, thấp hơn mức 15-20% của nhiều nước trong khu vực (Thực Quyên, 2025). Bên cạnh đó, hạ tầng năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) chưa đủ mạnh để thay thế nhiên liệu hóa thạch. Cơ sở hạ tầng lưới điện hiện tại khó có thể theo kịp sự phát triển nhanh chóng của điện mặt trời và điện gió. Trong giai đoạn 2025-2030, nhu cầu vốn cho lưới truyền tải ước đạt 3 tỷ USD/năm nhưng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chỉ đáp ứng được khoảng 40% kế hoạch (Gia Nghi, 2025).

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nhiều tỉnh, thành phố chưa chú trọng công tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp xả thải không đúng quy trình, gây ô nhiễm môi trường. Theo số liệu thống kê, có tới 33% doanh nghiệp chưa lập hoặc chậm phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường, 17% doanh nghiệp chưa lập quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường, và 33% doanh nghiệp chưa điều tra tổng lượng chất thải nguy hại. Đáng chú ý, có đến 37% tổ chức, cá nhân trong diện thanh tra vi phạm, chủ yếu không thực hiện đúng cam kết bảo vệ môi trường (68%), quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy định (12%), hoặc xả nước

thải vượt tiêu chuẩn (5%) (Trang thông tin điện tử Cục Thống kê, 2025). Bên cạnh đó, các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh luôn phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước.

Ba là, nguồn vốn và tài chính xanh còn hạn chế. Thực tế cho thấy, đầu tư cho các dự án xanh còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn vốn quốc tế. Nhiều dự án năng lượng tái tạo và hạ tầng xanh chủ yếu được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), EU... Trong khi đó, thị trường tài chính xanh trong nước chưa phát triển; các công cụ như trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh... mới ở giai đoạn thử nghiệm, chưa phổ biến. Doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn do thiếu các cơ chế ưu đãi rõ ràng.

Hệ quả của việc phụ thuộc vào dòng vốn quốc tế là làm giảm tính chủ động, khi nguồn vốn này suy giảm hoặc thay đổi ưu tiên, nhiều dự án xanh có nguy cơ bị đình trệ. Hơn nữa, điều kiện vay vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro do các khoản vay thường đi kèm với yêu cầu khắt khe về tính minh bạch, báo cáo phát thải... khiến doanh nghiệp khó đáp ứng. Mặt khác, dòng vốn quốc tế chủ yếu tập trung vào các dự án quy mô lớn, trong khi cơ cấu doanh nghiệp ở Việt Nam phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên các dự án nhỏ ở quy mô cộng đồng ít được tiếp cận hỗ trợ.

Bốn là, người dân và doanh nghiệp chưa có thói quen tiêu dùng xanh, còn ưu tiên yếu tố giá rẻ hơn là sản phẩm thân thiện với môi trường. Kết quả khảo sát của Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao cho thấy, 59% người tiêu dùng Việt Nam muốn tăng tiêu dùng xanh, nhưng rào cản giá cả là trở ngại chính ảnh hưởng đến quyết định của họ; mặt khác, tỷ lệ người tiêu dùng ưu tiên sản phẩm xanh còn thấp, chỉ khoảng 12-18% tại các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí

Minh (Như Bình, 2024). Mặc dù người tiêu dùng nhận thức khá tích cực về những lợi ích mà tiêu dùng xanh mang lại nhưng việc chuyển từ ý thức tới hành động vẫn còn một khoảng cách khá lớn, thể hiện ở mức độ ưu tiên của họ đối với tiêu dùng xanh còn hạn chế.

Trên tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng khẳng định: “Xác lập mô hình tăng trưởng mới: Kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển nhanh nhưng phải bền vững. Hoàn thiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch lĩnh vực, quy hoạch địa phương [...] Chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng phải được triển khai quyết liệt, bài bản, gắn với an ninh năng lượng, an ninh môi trường và yêu cầu cạnh tranh” (Trang thông tin điện tử Văn phòng Chủ tịch nước, 2026). Qua đó, không chỉ góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp mà còn vì mục tiêu phát triển bền vững, giúp Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, cạnh tranh quốc tế và hội nhập ngày càng sâu rộng.

3. Định hướng giải pháp góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh vì mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm xã hội về tăng trưởng kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững.

Theo đó, cần bám sát mục tiêu: “Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hóa [...] Tăng trưởng kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, để đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, để xã hội thực sự hài hòa, dân chủ, để người dân tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội” (Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026). Để thực hiện hiệu quả nội dung này, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về tiêu

dùng xanh và lối sống thân thiện với môi trường. Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong Chiến lược phát triển kinh tế xanh và bền vững, góp phần thay đổi nhận thức, hình thành thói quen mới và tạo sức lan tỏa trong xã hội.

Thực tế cho thấy, để thúc đẩy tiêu dùng xanh và lối sống thân thiện với môi trường, cần triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng theo hướng đồng bộ và lâu dài. Theo đó, cần chú trọng đa dạng hóa các kênh truyền thông như báo chí, truyền hình, mạng xã hội và các nền tảng số; đồng thời, tổ chức các chiến dịch truyền thông quốc gia về tiêu dùng xanh, giảm rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng với nội dung sáng tạo, dễ lan tỏa.

Bên cạnh đó, cần công khai, minh bạch thông tin về tác động của sản phẩm, dịch vụ tới môi trường thông qua nhãn xanh, mã QR, ứng dụng số và các nền tảng trực tuyến, giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn đúng đắn. Mặt khác, cần đẩy mạnh giáo dục về môi trường và bảo vệ môi trường trong nhà trường từ tiểu học đến đại học, gắn lý thuyết với thực hành thông qua các hoạt động trải nghiệm như tái chế, trồng cây, tiết kiệm điện, nước; xây dựng mô hình “trường học xanh” sử dụng năng lượng sạch và giảm phát thải. Phát động phong trào tiêu dùng xanh trong các tổ chức đoàn thể và cộng đồng; tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm xanh; tôn vinh các cá nhân, tập thể tiêu biểu nhằm lan tỏa hình ảnh “công dân xanh” như một chuẩn mực xã hội.

Hai là, hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển kinh tế xanh.

Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định: “Thể chế là ‘điểm nghẽn của điểm nghẽn’ nhưng cũng là ‘đột phá của đột phá’” (Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026); đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng khung pháp lý đồng bộ cho kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo hướng: “Xác

lập mô hình tăng trưởng mới: Kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn./ Phát triển nhanh nhưng phải bền vững [...] Chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng phải được triển khai quyết liệt, bài bản, gắn với an ninh năng lượng, an ninh môi trường và yêu cầu cạnh tranh. Phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên” (Công thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026). Vì vậy, để xây dựng khung pháp lý đồng bộ cho kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, cần triển khai các giải pháp mang tính hệ thống, vừa phù hợp với điều kiện trong nước, vừa tiệm cận với chuẩn mực quốc tế.

Bên cạnh đó, cần ban hành tiêu chuẩn đo lường phát thải theo chuẩn quốc tế, đảm bảo minh bạch và khả năng so sánh. Theo đó, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về phát thải, tái chế và sử dụng tài nguyên theo chuẩn quốc tế như ISO 14064 (Bộ tiêu chuẩn quốc tế về kiểm kê và báo cáo khí nhà kính); GHG Protocol (Khung chuẩn toàn cầu để đo lường và quản lý phát thải); IPCC Guidelines (Hướng dẫn của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu cho kiểm kê quốc gia); ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia về đo lường phát thải phù hợp với chuẩn quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam, bảo đảm thống nhất giữa các bộ, ngành. Ngoài ra, cần xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho doanh nghiệp áp dụng công nghệ đo lường hiện đại; khuyến khích công bố báo cáo phát thải tự nguyện nhằm nâng cao uy tín quốc tế.

Lồng ghép mục tiêu xanh vào quy hoạch phát triển các ngành như năng lượng, giao thông, xây dựng, nông nghiệp... *Đối với ngành năng lượng, quy hoạch điện quốc gia* cần ưu tiên tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối); từng bước giảm điện than, thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch và khuyến khích phát triển mô hình cộng đồng năng lượng tái tạo. *Đối*

với ngành giao thông, cần đẩy mạnh quy hoạch đô thị gắn với giao thông xanh; mở rộng hệ thống metro, xe buýt điện, xe đạp công cộng; khuyến khích phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch và phát triển hạ tầng trạm sạc điện trên toàn quốc, kết hợp ứng dụng công nghệ số để quản lý giao thông thông minh nhằm giảm ùn tắc và phát thải. *Đối với ngành xây dựng*, cần thúc đẩy đô thị xanh, áp dụng tiêu chuẩn công trình xanh, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà. *Đối với ngành nông nghiệp*, cần chú trọng phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và sinh thái; ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên; khuyến khích chế biến sâu và tái sử dụng phụ phẩm nhằm giảm phát thải và lãng phí tài nguyên.

Ba là, thiết lập cơ chế khuyến khích, nhất là về tài chính, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chế tài thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh.

Theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành động lực then chốt của tăng trưởng” (Công thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, 2026).

Trước hết, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên gia về công nghệ xanh, năng lượng tái tạo và quản lý môi trường; khuyến khích các nhà khoa học trẻ, tài năng tham gia các dự án đổi mới sáng tạo. Tăng cường liên kết giữa nhà trường, viện nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm hình thành chuỗi giá trị tri thức phục vụ phát triển kinh tế xanh. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh bằng việc áp dụng ưu đãi thuế, tín dụng xanh đối với doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch và năng lượng tái tạo; phát triển

thị trường trái phiếu xanh, tín dụng xanh; mở rộng hợp tác công - tư (PPP) trong các dự án hạ tầng xanh; thu hút nguồn vốn quốc tế từ các quỹ khí hậu và phát triển bền vững.

Đồng thời, cần đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ xanh trong các lĩnh vực như xử lý chất thải, sản xuất sạch, nông nghiệp thông minh, công nghiệp tiết kiệm tài nguyên và du lịch sinh thái ... Phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ công tác giám sát, cảnh báo và quản lý phát thải; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất và giảm tác động đến môi trường. Trên cơ sở đó, từng bước đổi mới tư duy và cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng bền vững gắn với bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Mặt khác, cần áp dụng chế tài xử phạt nghiêm minh đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường và sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Mức xử phạt cần được nâng cao, bảo đảm tương xứng với quy mô vi phạm và mức độ thiệt hại, đủ sức răn đe và phòng ngừa tái phạm. Bên cạnh đó, cần áp dụng các hình phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép, buộc khắc phục và bồi thường thiệt hại môi trường. Đối với các hành vi gây ô nhiễm nghiêm trọng, có tính chất cố ý hoặc hủy hoại môi trường, cần truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất, tập trung vào các ngành, lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao như khai khoáng,

hóa chất, năng lượng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và giám sát môi trường; triển khai hệ thống quan trắc tự động đối với khí thải, nước thải và số hóa dữ liệu để theo dõi liên tục. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin về các doanh nghiệp vi phạm nhằm phát huy vai trò giám sát của cộng đồng và xã hội. Đồng thời, đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào hệ thống xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, qua đó tác động trực tiếp đến khả năng tiếp cận vốn, thu hút đầu tư và phát triển bền vững.

Như vậy, tăng trưởng kinh tế xanh không chỉ là một định hướng chiến lược mà còn là con đường tất yếu để Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và bao trùm. Tinh thần Đại hội XIV của Đảng cho thấy, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy chuyển đổi năng lượng sạch và nâng cao chất lượng môi trường sống là những trụ cột quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Kinh tế xanh thúc đẩy sự gắn kết hữu cơ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, góp phần giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đồng thời mở ra nhiều cơ hội mới về công nghệ, việc làm và thị trường. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia trong tiến trình hội nhập toàn cầu. Có thể khẳng định, phát triển kinh tế xanh chính là bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội trong kỷ nguyên phát triển mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025), Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT phê duyệt Đề án "Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050", ban hành ngày 29/9/2025.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Gia Nghi (2025), *Năng lượng tái tạo và những ‘nút thắt’ trong Quy hoạch điện VIII*, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn online, <https://thesaigontimes.vn/nang-luong-tai-cao-va-nhung-nut-that-trong-quy-hoach-dien-viii/>
4. Như Bình (2024), *Người tiêu dùng Việt sẵn sàng tiêu dùng xanh nhưng còn ngại giá cả*, báo Tuổi trẻ online, <https://tuoitre.vn/nguoi-tieu-dung-viet-san-sang-tieu-dung-xanh-nhung-con-ngai-gia-ca-20241030155758038.htm>
5. Phan Anh (2024), *Nỗ lực thực hiện mục tiêu Net Zero*, VnEconomy, <https://vneconomy.vn/no-luc-thuc-hien-muc-tieu-net-zero.htm>
6. *Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm với đại biểu tham dự Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 7 (2025)*, VnEconomy, <https://vneconomy.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-voi-dai-bieu-tham-du-hoi-thao-quoc-te-viet-nam-hoc-lan-thu-7.htm>
7. Tùng Dương (2025), *Sẽ xây dựng và ban hành nhãn hiệu “phát thải thấp” cho các sản phẩm trong nước*, VnEconomy, <https://vneconomy.vn/se-xay-dung-va-ban-hanh-nhan-hieu-phat-thai-thap-cho-cac-san-pham-trong-trot.htm>
8. *Tin dùng xanh thúc đẩy chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam theo hướng sản xuất bền vững (2025)*, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, <https://media.chinhphu.vn/tin-dung-xanh-thuc-day-chuyen-doi-nong-nghiep-viet-nam-theo-huong-san-xuat-ben-vung-102251219185345552.htm>
9. Trần Đức Thắng (2025), *Kinh tế xanh - Yêu cầu tất yếu của phát triển*, <https://hungyen.dcs.vn/kinh-te-xanh-yeu-cau-tat-yeu-cua-phat-trien-c228258.html>
10. *Thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (2026)*, Trang thông tin điện tử Văn phòng Chủ tịch nước, <https://vpctn.gov.vn/tin-tuc-su-kien/chinh-tri/thong-qua-nghi-quet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang.html>
11. Thục Quyên (2025), *Mối lo từ công nghệ lạc hậu, phụ thuộc*, báo Tiền phong, <https://tienphong.vn/moi-lo-tu-cong-nghe-lac-hau-phu-thuoc-post1729839.tpo>
12. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*, ban hành ngày 25/9/2012.
13. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020*, ban hành ngày 20/3/2014.
14. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*, ban hành ngày 1/10/2021.
15. Trương Thị Quỳnh Vân (2025), *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp*, <http://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/phat-trien-kinh-te-xanh-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap-5941.4050.html>
16. *Tình trạng xử lý nước thải, bảo vệ môi trường tại Việt Nam và bài học từ Đan Mạch (2025)*, Trang thông tin điện tử Cục Thống kê, <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-khac/2025/01/tinh-trang-xu-ly-nuoc-thai-bao-ve-moi-truong-tai-viet-nam-va-bai-hoc-tu-dan-mach/>
17. *Toàn văn Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (2026)*, Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, <https://mofa.gov.vn/vi/tin-chi-tiet/chi-tiet/toan-van-bao-cao-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiv-cua-dang-58440-138.html>
18. Vũ Tuấn (2026), *Tổng Bí thư: Đổi mới mô hình phát triển phải đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam*, VnExpress, <https://vnexpress.net/tong-bi-thu-doi-moi-mo-hinh-phat-trien-phai-dung-tren-manh-dat-thuc-tien-viet-nam-5002903.html>